

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24-7-2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Xuân Thanh.

Ông Huỳnh Minh Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2018/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1988; cư trú tại ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Tạ rô B, sinh năm 1987; cư trú tại ấp B, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2018 của chị Huỳnh Thị N và quá trình tố tụng tại Tòa án chị N trình bày: Chị và anh Tạ rô B tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bản thân anh B thiếu

trách nhiệm và không biết thông cảm, chia sẻ đối với chị, làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Hiện tại, anh chị tự sống riêng từ tháng 12 năm 2017, gia đình hai bên đã hòa giải và hàn gắn nhưng không đạt được hiệu quả, nay chị cương quyết yêu cầu ly hôn cùng anh B.

Về con chung chưa có nên không đặt ra.

Về tài sản chị không yêu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 01 tháng 6 năm 2018 của anh Tạ rô B và quá trình tố tụng tại Tòa án anh B trình bày: Anh và chị N tự nguyện kết hôn vào năm 2012 là đúng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Trong cuộc sống vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra cự cãi nhưng không đáng kể, gia đình hai bên đã hàn gắn, bản thân anh cũng đã cố gắng chịu đựng và chấp nhận xin lỗi với bên vợ nhưng chị N vẫn không đồng ý. Do chị N không quan tâm và cố tình tránh mặt anh nên anh tự bỏ về nhà cha mẹ ruột làm ăn, sinh sống từ tháng 12 năm 2017, hiện tại anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung và phân tài sản không có nên anh không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Huỳnh Thị N được Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Tạ rô B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị N và anh Tạ rô B được xác lập vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. Quá trình chị N và anh B chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng, thường không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Theo anh B và chị N xác định gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng vẫn không duy trì

được quan hệ hôn nhân, hiện tại anh chị mỗi người sống một nơi, thời gian ngày càng kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Xét thấy, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể thỏa mãn yêu cầu của anh B tiếp tục xin hàn gắn mà chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chưa có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về chia tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Huỳnh Thị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, được khấu trừ phần tạm ứng án phí chị N đã nộp.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử vắng mặt anh Tạ rô B.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị N được ly hôn với anh Tạ rô B.

Về nuôi con chung: Chưa có nên không đặt ra.

Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 đồng, chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014183 ngày 19/4/2018 được khấu trừ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã An Xuyên, thành phố Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải